TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19 /2025/HNGĐ-ST
Ngày 08/8/2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hiếu;

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Bà Nguyễn Thị Bắc;

2. Ông Nguyễn Ngọc Ngát;

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh (Tòa án huyện S, tỉnh Bắc Giang cũ) mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 76/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Đàm Thị L, sinh năm 2004; Căn cước công dân số 024304007944. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Bắc Giang (nay là Thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh).

* Bị đơn: Anh Vi Văn H, sinh năm 2002; Căn cước công dân số 024202010808. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Bắc Giang (nay là Thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Đàm Thị L trình bày:

Chị kết hôn với anh Vi Văn H vào ngày 28/11/2022, tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Bắc Giang (nay là xã

Đ, tỉnh Bắc Ninh). Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau tại thôn T, xã Đ. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2025, do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm, lối sống, bảo ban không ai nghe ai dẫn đến cãi chửi nhau và anh H hay tụ tập bạn bè không chịu làm ăn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn nhau.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01con chung là cháu Vi Ánh T, sinh ngày 26/4/2024. Vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu Vi Thị Ánh T cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị làm công nhân có mức thu nhập ổn định đảm bảo việc nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

[2]. Bị đơn anh Vi Văn H hiện không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án giao cho gia đình anh H và niêm yết tại địa phương thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa để anh H biết đến làm việc tại Tòa án nhưng anh H vẫn vắng mặtoHoaf vẫn v, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh H.

[3]. Tại biên bản xác minh bà Trần Thị T1 trình bày:

Anh Vi Văn H là con trai của bà. Anh H đã đi làm ăn xa từ đầu năm 2025 thỉnh thoảng có việc mới về nhà, hiện nay anh H vắng mặt tại gia đình. Khi đi làm ăn, anh H chỉ bảo là đi làm nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể là ở đâu; Anh H thỉnh thoảng vẫn gọi điện về cho gia đình và có công việc mới về xong lại đi ngay.

Anh H kết hôn với chị L vào năm 2022, trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn; cưới xong chị L về gia đình nhà bà ở và làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ bao giờ bà không nắm được.

Nay chị L làm đơn xin ly hôn với lý do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống chị L và anh H có 01 con chung là cháu Vi Ánh T, sinh ngày 26/4/2024, hiện cháu đang ở cùng với gia đình bà; bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật

[3] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự như không có mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không có mặt tại phiên tòa.

Vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đàm Thị L được ly hôn anh Vi Văn H

Về con chung: Giao cho chị Đàm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vi Ánh T, sinh ngày 26/4/2024. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai có quyền cản trở.

Về án phí: Chị Đàm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đàm Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" đối với bị đơn anh Vi Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Đ, huyện S (nay là xã Đ, tỉnh Bắc Ninh). Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh, theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39- Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15, ngày 25/6/2025.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Đàm Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa; anh Vi Văn H vắng mặt lần 2 không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị L và anh Vi Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận tiến tới hôn nhân, đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Đ, tỉnh Bắc Ninh) số 32 ngày 28/11/2022. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H là hợp pháp.

Mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2022, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, do anh H hay đi làm ăn xa không thường xuyên về nhà. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình"*.

Xét thấy: Chị L và anh H đã xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, hai bên đã không quan tâm giúp đỡ đến nhau, không cùng chăm sóc, nuôi dạy con chung cũng như đã ly thân nhau về mặt tình cảm được một khoảng thời gian và cả hai không giải hòa được. Như vậy, chị L và anh H đã vi phạm nghĩa vụ chung sống vợ chồng, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị L, cho chị L và anh H được ly hôn nhau theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung là cháu Vi Ánh T, sinh ngày 26/4/2024, hiện cháu T đang ở cùng với bố mẹ anh H. Chị L đề nghị giao cháu T cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Xét thấy anh H hiện nay vắng mặt tại địa phương, đi làm ăn xa, thường xuyên vắng nhà nên không đảm bảo về điều kiện nuôi con. Xét thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T nên giao cho chị Đàm Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu là hợp lý theo Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng chị L không đề nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị L yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15, ngày 25/6/2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đàm Thị L và anh Vi Văn H được ly hôn nhau.

[2]. Về con chung: Giao cháu Vi Ánh T, sinh ngày 26/4/2024 cho chị Đàm Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng

việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3]. Về án phí: Chị Đàm Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Chị L được khấu trừ vào số tiền 300.000đ nộp tạm ứng án phí DSST, theo biên lai số 0005438 ngày 12/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động (xác nhận chị L đã nộp đủ).

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 - BN;
- VKSND tỉnh BN;
- THADS khu vực 5 - BN
- Các đương sự;
- UBND xã Đại Sơn;
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Hiếu